

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 8 - 2019
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương
2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Ngọc N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp 1, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Trần Phước K, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp 1, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp 4, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N có mặt, anh K và chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Lý Ngọc N là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Trong cuộc sống vợ chồng thường có mâu thuẫn, cự cãi, dẫn đến vợ chồng chung sống không được hạnh phúc nhưng chị N

vẫn cố gắng chịu đựng vì thương các con. Khi chị N sinh con đầu lòng thì vợ chồng xảy ra tranh cãi, anh K bỏ nhà đi hơn 09 tháng mới quay trở về sinh sống cùng mẹ con chị N. Thời gian sau, vợ chồng cứ luôn xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh K chỉ biết nghĩ cho bản thân, không quan tâm gì đến chuyện gia đình và vợ con. Anh K đã nhiều lần chửi mắng, đánh đập chị N vô cớ làm cho chị N sợ hãi và đầy áp lực trong hôn nhân.

Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể nào tiếp tục sống chung được nữa nên nay chị Lý Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Phước K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Phát Tài, sinh ngày 14/10/2008, Trần Chí Tình, sinh ngày 30/5/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị N có yêu cầu nuôi con chung tên Trần Phát Tài, do cháu Tài đang sống chung với chị N ở Cà Mau, chị N đồng ý để con chung tên Trần Chí Tình cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con nhưng vài ngày gần đây cháu Tài về thăm em là cháu Tình đang do anh K nuôi dưỡng thì cháu Tài ở luôn cùng cháu Tình và anh K, không chịu về sinh sống cùng chị N nữa, do đó chị N đồng ý để hai con chung cho anh K nuôi dưỡng, để anh em cháu Tài và cháu Tình sống gần nhau và chị N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 chiếc ghe chở hàng trọng tải 45 tấn, có biển kiểm soát ĐT-19026 do anh Trần Phước K đứng tên trên giấy tờ ghe, trị giá chiếc ghe khoảng 280.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị N xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chị Huỳnh Thị Thanh H số tiền 15.000.000 đồng. Do chị H có ý kiến là không yêu cầu chị N, anh K phải trả cho chị H số tiền trên trong vụ kiện này mà để chị H và chị N, anh K thỏa thuận với nhau về việc trả số tiền trên nên chị N cũng thống nhất theo ý kiến của chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ trên trong vụ kiện này.

Theo biên bản hòa giải ngày 28/6/2019, anh Trần Phước K là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh K thừa nhận lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay anh K còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

- Về con chung: Anh K thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Trần Phát Tài, sinh ngày 14/10/2008, Trần Chí Tình, sinh ngày 30/5/2012. Hiện nay các con chung tên Trần Phát Tài, sinh ngày 14/10/2008 đang sống chung với chị N. Con chung tên Trần Chí Tình, sinh ngày 30/5/2012 đang sống chung với anh K. Khi ly hôn anh K yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Trần Chí Tình, sinh ngày 30/5/2012, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh K đồng ý

để con chung tên Trần Phát Tài, sinh ngày 14/10/2008 cho chị N được quyền nuôi dưỡng và anh K không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 chiếc ghe chở hàng trọng tải 45 tấn, có biển kiểm soát ĐT-19026 do anh Trần Phước K đứng tên trên giấy tờ ghe, trị giá chiếc ghe khoảng 280.000.000 đồng. Khi ly hôn tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chị Huỳnh Thị Thanh H số tiền 15.000.000 đồng. Do chị H có ý kiến là không yêu cầu chị N, anh K phải trả cho chị H số tiền trên trong vụ kiện này mà để chị H và chị N, anh K thỏa thuận với nhau về việc trả số tiền trên nên anh K cũng thống nhất theo ý kiến của chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nợ chung.

Theo biên bản hòa giải ngày 28/6/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Thanh H trình bày:

Vào 10/01/2019 âm lịch, vợ chồng anh K, chị N có mượn chị H số tiền 15.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh K, chị N ly hôn, số nợ trên để chị H và vợ chồng anh K, chị N thỏa thuận với nhau về việc trả nợ, không yêu cầu anh K, chị N trả nợ cho chị H số nợ trên trong vụ kiện này.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- Giấy khai sinh Trần Chí Tình, Trần Phát Tài (bản photo);
- Giấy CMND Lý Ngọc N và SHK (photo);
- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (photo);

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 28/6/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lý Ngọc N có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Trần Phước K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con*”.

Anh Trần Phước K là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Trần Phước K đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do và chị Huỳnh Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt anh K và chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị N, anh K chung sống với nhau vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2009 tại UBND xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp, do đó hôn nhân giữa chị N và anh K là hợp pháp. Chị N cho rằng cuộc sống vợ chồng thường có mâu thuẫn, cự cãi, dẫn đến vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nhưng chị N vẫn cố gắng chịu đựng sống chung với anh K vì thương các con. Nguyên nhân là do anh K chỉ biết nghĩ cho bản thân, không quan tâm gì đến chuyện gia đình và vợ con. Anh K đã nhiều lần chửi mắng, đánh đập chị N vô cớ làm cho chị N sợ hãi và đầy áp lực trong hôn nhân, do đó chị N yêu cầu được ly hôn với anh K.

Anh K thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, anh K cũng có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N không đồng ý. Anh K còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N nhưng do chị N đã không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống với anh K mà nhất quyết ly hôn, nên anh K cũng không có đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị N và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N.

- Về con chung: Chị N và anh K thống nhất vợ chồng có hai con chung tên Trần Phát Tài, sinh ngày 14/10/2008, Trần Chí Tình, sinh ngày 30/5/2012.

Chị N trình bày, trước đây cháu Tài sống chung với chị N ở Cà Mau nhưng vài ngày gần đây cháu Tài về thăm em là cháu Tình đang do anh K nuôi dưỡng thì cháu Tài ở luôn cùng cháu Tình và anh K, không chịu về sinh sống cùng chị N nữa, do đó chị N đồng ý để hai con chung cho anh K nuôi dưỡng, để anh em cháu Tài và cháu Tình sống gần nhau và chị N không cấp dưỡng nuôi con. Do đó giao hai con chung tên Trần Phát Tài, sinh ngày 14/10/2008, Trần Chí Tình, sinh ngày 30/5/2012 cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K không có yêu cầu.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị N do chị N rút yêu cầu.

- Về nợ chung: Chị N, anh K có nợ chị Huỳnh Thị Thanh H số tiền 15.000.000 đồng. Chị Huỳnh Thị Thanh H không yêu cầu chị N, anh K trả cho chị số tiền trên trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu sau này chị N, anh K không trả cho chị H số tiền trên thì chị H có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về án phí: Chị Lý Ngọc N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lý Ngọc N.

- Về hôn nhân: Chị Lý Ngọc N được ly hôn với anh Trần Phước K.

- Về con chung: Anh Trần Phước K được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Phát Tài, sinh ngày 14/10/2008, Trần Chí Tình, sinh ngày 30/5/2012. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K không có yêu cầu.

Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị N do chị N rút yêu cầu.

- Về nợ chung: Chị N, anh K có nợ chị Huỳnh Thị Thanh H số tiền 15.000.000 đồng. Chị Huỳnh Thị Thanh H không yêu cầu chị N, anh K trả cho chị số tiền trên trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này chị N, anh K không trả cho chị H số tiền trên thì chị H có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về án phí: Chị Lý Ngọc N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006679 ngày 10 tháng 05 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

Chị Lý Ngọc N được nhận lại số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp theo biên lai số 0006680 đồng ngày 10 tháng 05 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: HSV.A.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Nhã Quyên